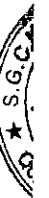
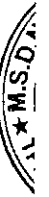


Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 3500701305

ngày 1 tháng 11 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500701305 ngày 12 tháng 5 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên
Ông Phạm Quốc Thái	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Nhân	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

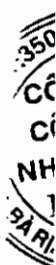
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thái	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng
Thành phố Bà Rịa
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Tuyên bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc về báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho mỗi giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ. Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Lập các báo cáo tài chính theo giá định hoạt động liên tục trừ khi giá định này không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 12 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

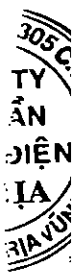
Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Thông tin tài chính của Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ tại các ngày 30 tháng 6 năm 2015, 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 chưa đầy đủ và thích hợp cho mục đích đánh giá dự phòng khoản đầu tư của Công ty vào công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ (thuyết minh 6(b)) tại các ngày này. Công ty không thể đánh giá liệu có các khoản dự phòng cần lập đối với khoản đầu tư này tại các ngày nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết cho các số liệu này được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Thông tin tài chính của Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa đầy đủ và thích hợp cho mục đích đánh giá dự phòng khoản đầu tư của Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh (thuyết minh 6(b)) tại ngày này. Công ty không thể đánh giá liệu có các khoản dự phòng cần lập đối với khoản đầu tư này tại ngày nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết cho số liệu này được trình bày trong báo cáo tài chính.

Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn

Công ty chưa ghi nhận lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn 16,58 tỷ đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Nếu Công ty ghi nhận khoản lãi dự thu này, doanh thu hoạt động tài chính, lợi nhuận thuần sau thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ tăng thêm lần lượt là 16,58 tỷ đồng, 13,26 tỷ đồng và 3,32 tỷ đồng. Khoản lãi dự thu này đã được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần lưu ý

Chúng tôi muốn lưu ý đến thuyết minh số 3(n)(i) và thuyết minh số 24 trong báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Doanh thu tiêu thụ điện cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được tạm tính bằng giá điện năm 2015 theo Công văn số 512/EVN/-TCKT ngày 17 tháng 2 năm 2016 của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”) về việc tạm tính giá điện năm 2016 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: doanh thu tiêu thụ điện được tạm tính bằng giá điện năm 2014 theo Công văn số 404/EVN-TCKT ngày 2 tháng 2 năm 2015 của EVN về việc tạm tính giá điện năm 2015).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo soát xét ngày 7 tháng 8 năm 2015 cho những vấn đề sau đây:

1. Kiểm toán viên tiền nhiệm lưu ý doanh thu tiêu thụ điện trong kỳ theo giá tạm tính và đo đó doanh thu có thể thay đổi khi Công ty và EVN thống nhất giá bán điện.
2. Kiểm toán viên tiền nhiệm không đồng ý với việc Công ty chưa hoàn nhập khoản khoản dự phòng 1,06 tỷ đồng đầu tư vào công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh.
3. Kiểm toán viên tiền nhiệm không đồng ý với việc Công ty chưa trích lập khoản dự phòng 4,3 tỷ đồng đầu tư vào công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn.
4. Kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán về tính thích hợp đối với dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2016 do kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán về tính thích hợp đối với dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo soát xét số: 16-01-371

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.530.361.896.073	1.590.355.620.250
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	375.285.112.886	292.880.701.123
Tiền	111		8.285.112.886	880.701.123
Các khoản tương đương tiền	112		367.000.000.000	292.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		618.500.000.000	614.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	618.500.000.000	614.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		321.138.287.544	519.799.907.378
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	297.991.459.102	493.115.710.901
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		241.756.500	1.198.676.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	23.157.910.961	25.738.358.996
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(252.839.019)	(252.839.019)
Hàng tồn kho	140	9	205.447.904.664	154.574.006.499
Hàng tồn kho	141		208.793.182.606	163.553.850.199
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.345.277.942)	(8.979.843.700)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.990.590.979	9.101.005.250
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		178.338.393	448.271.013
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.812.252.586	6.172.136.221
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	15(b)	-	2.480.598.016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		433.555.527.552	402.400.786.459
Tài sản cố định	220		84.704.826.600	85.056.476.494
Tài sản cố định hữu hình	221	10	84.688.481.132	85.019.894.526
Nguyên giá	222		2.391.196.727.281	2.382.403.879.281
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.306.508.246.149)	(2.297.383.984.755)
Tài sản cố định vô hình	227	11	16.345.468	36.581.968
Nguyên giá	228		3.889.064.839	3.889.064.839
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.872.719.371)	(3.852.482.871)
Tài sản dở dang dài hạn	240		35.517.259.454	3.957.034.333
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	35.517.259.454	3.957.034.333
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	303.135.910.772	303.135.910.772
Đầu tư vào công ty liên kết	252		83.750.000.000	83.750.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		273.500.927.800	273.500.927.800
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(54.115.017.028)	(54.115.017.028)
Tài sản dài hạn khác	260		10.197.530.726	10.251.364.860
Chi phí trả trước dài hạn	261		209.796.726	263.630.860
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	9.987.734.000	9.987.734.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.963.917.423.625	1.992.756.406.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		933.310.856.321	932.092.931.467
Nợ ngắn hạn	310		409.326.806.861	403.773.272.270
Phải trả người bán	311	14	110.822.100.022	234.684.108.257
Người mua trả tiền trước	312		-	240.000
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	15(a)	9.344.178.447	31.688.439.159
Phải trả người lao động	314		3.335.364.058	25.389.894.262
Chi phí phải trả	315	16	56.816.408.345	1.771.502.453
Phải trả khác	319	17	63.678.353.131	4.856.433.533
Vay ngắn hạn	320	18	49.903.242.826	48.029.059.945
Dự phòng phải trả	321	19	103.403.006.758	49.938.670.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.024.153.274	7.414.924.661
Nợ dài hạn	330		523.984.049.460	528.319.659.197
Vay dài hạn	338	18	523.984.049.460	528.319.659.197
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.030.606.567.304	1.060.663.475.242
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.030.606.567.304	1.060.663.475.242
Vốn cổ phần	411	21	604.856.000.000	604.856.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689	7.560.228.689
Quỹ đầu tư và phát triển	418		89.496.549.229	75.099.676.551
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.035.100.608	20.017.897.139
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		308.658.688.778	353.129.672.863
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		264.479.303.935	212.110.799.603
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		44.179.384.843	141.018.873.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.963.917.423.625	1.992.756.406.709

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Phan Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp

Người đại diện



Trần Thị Bảo Xuân
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	788.815.981.264	851.409.753.071
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	726.577.846.181	834.672.600.074
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		62.238.135.083	16.737.152.997
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	59.247.592.560	83.308.855.737
Chi phí tài chính	22	27	52.728.105.580	133.711.922.096
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.848.108.686	7.974.079.321
Chi phí bán hàng			24.555.894	120.557.926
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.433.300.189	11.362.233.857
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		57.299.765.980	(45.148.705.145)
Thu nhập khác	31		78.014.545	113.512.272
Chi phí khác	32		1.940.046.966	4.529.199
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.862.032.421)	108.983.073
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		55.437.733.559	(45.039.722.072)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	11.258.348.716	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		44.179.384.843	(45.039.722.072)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	31	730	(745)

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Phan Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	55.437.733.559	(45.039.722.072)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	9.144.497.894	42.726.109.527
Các khoản dự phòng	03	47.829.771.000	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.464.769.654	62.952.094.582
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(34.308.465.708)	(18.181.525.512)
Chi phí lãi vay	06	6.848.108.686	7.974.079.321
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	108.416.415.085	50.431.035.846
Biến động các khoản phải thu	09	194.826.670.929	67.504.557.085
Biến động hàng tồn kho	10	(45.239.332.407)	149.423.035
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(124.457.367.078)	(62.442.372.129)
Biến động chi phí trả trước	12	323.766.754	397.097.020
		133.870.153.283	56.039.740.857
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.854.885.731)	(1.247.076.732)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.613.756.441)	(16.409.104.500)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	66.587.728
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(305.942.781)	(5.838.348.368)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	93.095.568.330	32.611.798.985
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(17.019.073.121)	(1.399.969.145)
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(300.500.000.000)	(267.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24	296.000.000.000	273.000.000.000
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.983.896.264	40.054.404.449
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	15.464.823.143	44.654.435.304

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

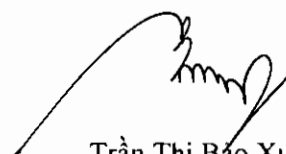
	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		68.000.000.000	42.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(93.926.196.510)	(76.934.834.660)
Tiền trả cổ tức	36		(229.783.200)	(47.362.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(26.155.979.710)	(34.982.196.860)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		82.404.411.763	42.284.037.429
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		292.880.701.123	343.978.985.497
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	375.285.112.886	386.263.022.926

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:


Phan Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp

Người


Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng




Nguyễn Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

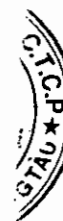
Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 293 nhân viên (1/1/2016: 294 nhân viên).



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 – 15 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

305 C
CÔNG TY
NHIỆT ĐIỆN
BÀ RI
VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

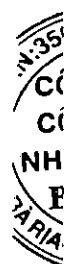
- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu tiêu thụ điện

Doanh thu tiêu thụ điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam thường được điều chỉnh giá trong sáu tháng cuối năm và có hiệu lực cho cả năm. Việc xác định giá trị doanh thu ghi nhận cho sáu tháng đầu năm dựa trên giá bán điện của năm trước. Khi giá bán điện được thống nhất, phần doanh thu cho sáu tháng đầu năm sẽ được tính toán lại. Chênh lệch giữa doanh thu tạm tính và doanh thu theo giá thống nhất được điều chỉnh vào doanh thu sáu tháng cuối năm.

070
BNC
PH
ET
A I
T.BA

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

305
TY
IN
IEN
IA
IAVU

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	85.581.567	253.570.417
Tiền gửi ngân hàng	8.199.531.319	627.130.706
Các khoản tương đương tiền	367.000.000.000	292.000.000.000
	375.285.112.886	292.880.701.123

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng và hưởng lãi suất từ 4,8% tới 5,3%/năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: từ 4,3% tới 5%/năm).

6. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng và hưởng lãi suất từ 5,7% tới 6,7%/năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: từ 5,3% tới 6,8%/năm).



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2016				1/1/2016			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn (*)	25%	25%	83.750.000.000	-	25%	25%	83.750.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác								
Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	2%	2%	108.730.000.000	-	2%	2%	108.730.000.000	-
Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	2,3%	2,3%	114.770.927.800	54.115.017.028	2,3%	2,3%	114.770.927.800	54.115.017.028
Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	15,15%	15,15%	50.000.000.000	-	15,15%	15,15%	50.000.000.000	-
			273.500.927.800	54.115.017.028			273.500.927.800	54.115.017.028
			357.250.927.800	54.115.017.028			357.250.927.800	54.115.017.028

(*) Công ty cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	297.460.295.103	492.182.457.814
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	531.163.999	933.253.087
	<hr/>	<hr/>
	297.991.459.102	493.115.710.901
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được trong vòng 15 ngày làm việc kể từ thời điểm bên liên quan nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	22.863.858.335	25.539.288.891
Các khoản phải thu khác	294.052.626	199.070.105
	<hr/>	<hr/>
	23.157.910.961	25.738.358.996
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu	201.981.108.315	162.516.607.944
Công cụ và dụng cụ	91.039.415	113.097.691
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.703.613.084	868.476.541
Thành phẩm	17.421.792	55.668.023
	<hr/>	<hr/>
	208.793.182.606	163.553.850.199
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – nguyên vật liệu	(3.345.277.942)	(8.979.843.700)
	<hr/>	<hr/>
	205.447.904.664	154.574.006.499

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.979.843.700	8.979.843.700
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(5.634.565.758)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.345.277.942	8.979.843.700

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

0. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	92.214.466.527	2.217.654.095.193	31.286.715.032	41.248.602.529	2.382.403.879.281
Tăng trong kỳ	892.848.000	-	-	-	892.848.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	7.900.000.000	-	-	7.900.000.000
Số dư cuối kỳ	93.107.314.527	2.225.554.095.193	31.286.715.032	41.248.602.529	2.391.196.727.281
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	59.975.433.142	2.178.797.811.305	27.865.062.455	30.745.677.853	2.297.383.984.755
Khấu hao trong kỳ	1.536.185.840	4.540.232.304	298.379.844	2.749.463.406	9.124.261.394
Số dư cuối kỳ	61.511.618.982	2.183.338.043.609	28.163.442.299	33.495.141.259	2.306.508.246.149
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	32.239.033.385	38.856.283.888	3.421.652.577	10.502.924.676	85.019.894.526
Số dư cuối kỳ	31.595.695.545	42.216.051.584	3.123.272.733	7.753.461.270	84.688.481.132

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 2.206.978.764.830 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 2.203.470.585.417 VND).



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.011.117.583	877.947.256	3.889.064.839
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.011.117.583	841.365.288	3.852.482.871
Khấu hao trong kỳ	-	20.236.500	20.236.500
Số dư cuối kỳ	3.011.117.583	861.601.788	3.872.719.371
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	36.581.968	36.581.968
Số dư cuối kỳ	-	16.345.468	16.345.468

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản cố nguyên giá 3.767.645.864 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 3.767.645.864 VND).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.957.034.333	-
Tăng trong kỳ	39.460.225.121	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.900.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	35.517.259.454	-

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nâng cấp công suất các tổ máy phát điện	26.822.000.000	-
Hệ thống điều khiển tổ máy tuabin hơi	-	3.500.000.000
Xây dựng cơ bản khác	8.695.259.454	457.034.333
	35.517.259.454	3.957.034.333

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2016	1/1/2016
		VND	VND
Dự phòng phải trả	20%	9.987.734.000	9.987.734.000

14. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty sản xuất và chế biến kinh doanh các sản phẩm khí	46.800.521.959	209.354.857.158
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	62.720.548.492	-
Các nhà cung cấp khác	1.301.029.571	25.329.251.099
	110.822.100.022	234.684.108.257
Số có khả năng trả nợ	110.822.100.022	234.684.108.257

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Cấn trừ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	72.029.228.299	(2.234.659.295)	(69.794.569.004)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.688.439.159	11.258.348.716	(33.613.756.441)	-	9.333.031.434
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.808.418.960	(316.673.931)	(2.480.598.016)	11.147.013
	31.688.439.159	86.095.995.975	(36.165.089.667)	(72.275.167.020)	9.344.178.447

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	Cấn trừ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	2.480.598.016	-	-	(2.480.598.016)	-

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí phải trả khí đã sử dụng	55.051.682.937	-
Chi phí lãi vay	1.606.999.369	1.613.776.414
Chi phí phải trả khác	157.726.039	157.726.039
	56.816.408.345	1.771.502.453
	56.816.408.345	1.771.502.453

17. Phải trả khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	63.356.054.030	3.100.237.230
Các khoản phải trả khác	322.299.101	1.756.196.303
	63.678.353.131	4.856.433.533
	63.678.353.131	4.856.433.533



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	573.887.292.286	576.348.719.142
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(49.903.242.826)	(48.029.059.945)
Hoàn trả sau 12 tháng	523.984.049.460	528.319.659.197

Vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1/9/2015, kế thừa từ hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu) và Nhà Máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa. Thời hạn cho vay lại là 13 năm với lãi suất 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tương đương 28.737.470.820,5 Won sẽ được hoàn trả dần đều trong 22 kì nửa năm với số tiền phải thanh toán mỗi kì là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại là 1.249.455.243,5 Won là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

19. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả thể hiện số trích lập dự phòng cho việc sửa chữa lớn các tổ máy phát điện sẽ được thực hiện trong năm 2016.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***0. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	604.856.000.000	7.560.228.689	51.011.503.196	13.979.722.912	360.367.585.744	1.037.775.040.541
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(45.039.722.072)	(45.039.722.072)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	24.088.173.355	6.325.042.464	(30.413.215.819)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.318.248.250)	(12.318.248.250)
Cổ tức (thuyết minh 22)	-	-	-	-	(60.485.600.000)	(60.485.600.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(286.868.237)	-	(286.868.237)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	604.856.000.000	7.560.228.689	75.099.676.551	20.017.897.139	212.110.799.603	919.644.601.982
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	141.018.873.260	141.018.873.260
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	604.856.000.000	7.560.228.689	75.099.676.551	20.017.897.139	353.129.672.863	1.060.663.475.242

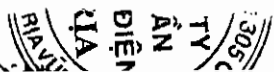
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	604.856.000.000	7.560.228.689	75.099.676.551	20.017.897.139	353.129.672.863	1.060.663.475.242
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	44.179.384.843	44.179.384.843
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.396.872.678	323.146.250	(14.720.018.928)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.444.750.000)	(13.444.750.000)
Cổ tức (thuyết minh 22)	-	-	-	-	(60.485.600.000)	(60.485.600.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(305.942.781)	-	(305.942.781)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	604.856.000.000	7.560.228.689	89.496.549.229	20.035.100.608	308.658.688.778	1.030.606.567.304



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	604.856.000.000	60.485.600	604.856.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tổng công ty Phát điện 3	48.123.557	79,56	48.123.557	79,56
Các cổ đông khác	12.362.043	20,44	12.362.043	20,44
	60.485.600	100	60.485.600	100

22. Cổ tức

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 60.485.600.000 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 60.485.600.000 VND).



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.208.935.800	1.208.935.800
Trong vòng hai đến năm năm	4.835.743.200	4.835.743.200
Sau năm năm	41.607.540.450	42.212.008.350
	<hr/>	<hr/>
	47.652.219.450	48.256.687.350

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu tiêu thụ điện (*)	787.928.697.245	850.135.251.857
Doanh thu dịch vụ khác	93.625.000	564.890.909
Doanh thu khác	793.659.019	709.610.305
	<hr/>	<hr/>
	788.815.981.264	851.409.753.071

(*) Như trình bày trong thuyết minh 3(n)(i), doanh thu tiêu thụ điện cho sáu tháng đầu năm 2016 và 2015 được ước tính dựa trên giá bán điện thống nhất giữa Công ty và Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam lần lượt trong sáu tháng cuối năm 2015 và 2014. Phần chênh lệch giữa doanh thu tiêu thụ điện ước tính và doanh thu theo giá thống nhất của năm sẽ được điều chỉnh vào doanh thu của sáu tháng cuối năm. Số điều chỉnh cho năm 2015 là 75.702.140.484 VND.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn tiêu thụ điện	726.012.413.230	834.081.382.591
Giá cung cấp dịch vụ khác	3.600.880	69.904.936
Giá vốn khác	561.832.071	521.312.547
	<u>726.577.846.181</u>	<u>834.672.600.074</u>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	27.308.465.708	7.972.262.784
Cổ tức được chia	7.000.000.000	10.187.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.939.126.852	65.149.092.953
	<u>59.247.592.560</u>	<u>83.308.855.737</u>

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.848.108.686	7.974.079.321
Lỗ chênh lệch tỷ giá	45.879.996.894	125.737.842.775
	<u>52.728.105.580</u>	<u>133.711.922.096</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.281.270.722	5.524.587.493
Thuế, phí và lệ phí	787.641.743	601.844.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.500.457	1.373.976.833
Chi phí khấu hao	638.813.486	678.611.617
Chi phí khác	4.027.073.781	3.183.213.661
	11.433.300.189	11.362.233.857

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	647.744.477.481	734.206.347.433
Chi phí nhân công	22.532.549.371	22.470.039.540
Chi phí khấu hao	9.144.497.894	42.726.109.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.026.664.900	1.510.981.833
Chi phí khác	59.683.161.622	44.850.628.679

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.098.374.105	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.159.974.611	-
	11.258.348.716	-



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	55.437.733.559	(45.039.722.072)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.087.546.712	(9.908.738.856)
Chi phí không được khấu trừ thuế	410.827.393	-
Thu nhập không chịu thuế	(1.400.000.000)	(2.241.250.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận từ lỗ tính thuế	-	12.149.988.856
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.159.974.611	-
	11.258.348.716	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	44.179.384.843	(45.039.722.072)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	60.485.600	60.485.600

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

007
ÔN
CỔ
HIẾ
B
9/A-

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	8.199.531.319	627.130.706
Các khoản tương đương tiền	(i)	367.000.000.000	292.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(i)	618.500.000.000	614.000.000.000
Phải thu của khách hàng – thuần	(ii)	297.738.620.083	492.862.871.882
Phải thu khác	(ii)	23.157.910.961	25.738.358.996
		1.314.596.062.363	1.425.228.361.584

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác

Phải thu của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến phải thu khác chủ yếu là dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản phải thu này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016.

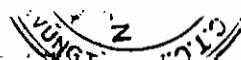
Không có biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	110.822.100.022	110.822.100.022	110.822.100.022	-	-	-
Phải trả người lao động	3.335.364.058	3.335.364.058	3.335.364.058	-	-	-
Chi phí phải trả	56.816.408.345	56.816.408.345	56.816.408.345	-	-	-
Phải trả khác	63.678.353.131	63.678.353.131	63.678.353.131	-	-	-
Vay dài hạn	573.887.292.286	656.176.076.235	61.998.125.423	62.352.438.447	179.798.056.952	352.027.455.413
	808.539.517.842	890.828.301.791	296.650.350.979	62.352.438.447	179.798.056.952	352.027.455.413



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	234.684.108.257	234.684.108.257	234.684.108.257	-	-	-
Phải trả người lao động	25.389.894.262	25.389.894.262	25.389.894.262	-	-	-
Chi phí phải trả	1.771.502.453	1.771.502.453	1.771.502.453	-	-	-
Phải trả khác	4.856.433.533	4.856.433.533	4.856.433.533	-	-	-
Vay dài hạn	576.348.719.142	662.022.956.241	59.770.564.112	60.590.260.068	174.784.152.954	366.877.979.107
	843.050.657.647	928.724.894.746	326.472.502.617	60.590.260.068	174.784.152.954	366.877.979.107

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của giao dịch này là Won (“KRW”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán KRW ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	KRW	KRW
Vay dài hạn	(28.737.470.820,5)	(29.986.926.074)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
1 KRW	19,97	19,22

50
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 NHIỆT
 ĐIỆN
 BÀ RI
 2016

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dưới đây là phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty, sau khi xem xét trị giá hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016 KRW (mạnh lên 4%)	(18.364.393.353)
Ngày 1 tháng 1 năm 2016 KRW (yếu đi 12%)	53.946.240.112

Biến động ngược lại của tỉ giá KRW có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	367.000.000.000	292.000.000.000
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	618.500.000.000	614.000.000.000
▪ Vay dài hạn	(573.887.292.286)	(576.348.719.142)
	411.612.707.714	329.651.280.858
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	8.199.531.319	627.130.706

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ không tác động đáng kể đến lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(ii) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền	8.285.112.886	- 880.701.123
▪ Các khoản tương đương tiền	367.000.000.000	292.000.000.000
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	618.500.000.000	614.000.000.000
▪ Phải thu của khách hàng – thuần	297.738.620.083	492.862.871.882
▪ Phải thu khác	23.157.910.961	25.738.358.996
	<hr/>	<hr/>
	1.314.681.643.930	1.425.481.932.001
	<hr/>	<hr/>
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán	(110.822.100.022)	(234.684.108.257)
▪ Phải trả người lao động	(3.335.364.058)	(25.389.894.262)
▪ Chi phí phải trả	(56.816.408.345)	(1.771.502.453)
▪ Phải trả khác	(63.678.353.131)	(4.856.433.533)
▪ Vay dài hạn	(573.887.292.286)	(576.348.719.142)
	<hr/>	<hr/>
	(808.539.517.842)	(843.050.657.647)
	<hr/>	<hr/>

(iii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	63.356.054.030	3.100.237.230
Tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang đã mua nhưng chưa chi trả	26.834.000.000	3.500.000.000

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN		
Lãi vay	6.814.748.854	7.147.062.720
Trả nợ gốc vay	23.402.296.898	24.851.664.992
Công ty mẹ		
Tổng công ty Phát điện 3		
Cổ tức	48.123.557.000	48.123.557.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu tiêu thụ điện	787.913.705.367	850.113.506.438
Lương và thưởng cho Hội đồng quản trị,		
Ban giám đốc, Ban kiểm soát		
+ Chủ tịch Hội đồng quản trị (1 người)	185.292.000	194.200.000
+ Tổng giám đốc (1 người)	178.240.000	187.000.000
+ Phó Tổng giám đốc (2 người)	261.068.000	331.500.000
+ Kế toán trưởng (1 người)	119.880.000	151.200.000
+ Hội đồng quản trị		
- Trực tiếp tham gia hoạt động SXKD (2 người)	-	9.300.000
- Không trực tiếp tham gia SXKD (2 người)	50.130.000	55.200.000
+ Ban kiểm soát		
- Trực tiếp tham gia hoạt động SXKD (1 người)	38.380.571	23.328.000
- Không trực tiếp tham gia SXKD (2 người)	47.760.000	50.928.000

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

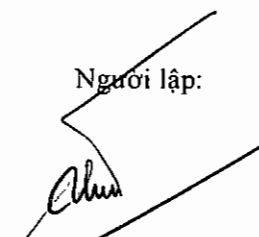
35. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh khác được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau.


	1/1/2016 VND (phân loại lại)	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.172.136.221	-
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	2.480.598.016	8.652.734.237


Ngày 12 tháng 8 năm 2016

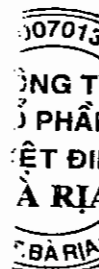
Người lập:


Phan Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Trần Thị Bảo Xuân
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc



2
C.T.C.
★ P.
T.A.U.